

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HN&GD-ST

Ngày: 21-4-2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình.

2/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HN&GD ngày 03 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HN&GD ngày 18 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HN&GD ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đặng Thành D, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Quốc lộ 55, tổ 14, ấp Thanh An, xã Ld, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Bị đơn:** CHị Đinh Thị Bảo Y, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số 76, đường Mê Pu – Dk, thôn 3, xã Dk, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt **nguyên đơn, bị đơn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2019, anh D và chị Y đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dk, huyện Đức Linh; vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, kinh tế, việc chi tiêu của chị Y không rõ ràng, mờ ám. Về tình cảm, chị Y không có tình cảm và nhiều lần xúc phạm anh D, vợ chồng sống với nhau lạnh nhạt dẫn đến vợ chồng ly thân hơn 02 năm nay. Anh D xác định không còn tình cảm với chị Y, mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Y.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Chị Y và anh D kết hôn với nhau vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Dk. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tài chính anh D không giao cho vợ; anh D nhiều lần bạo lực đánh vợ và thường xuyên bỏ nhà đi không rõ lý do; anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài; hôn nhân hiện không có tiếng nói chung vì vậy chị Y đồng ý ly hôn với anh D. Tuy nhiên, chị Y yêu cầu anh D phải thỏa thuận xong về tài sản chung thì chị Y mới đồng ý ký thuận tình ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn.

Bị đơn cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý nhưng nguyên đơn phải giải quyết dứt điểm vấn đề tiền bạc với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Đặng Thành D khởi kiện ly hôn với bị đơn Đinh Thị Bảo Y, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn 3, xã Dk, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, cho nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh không tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Anh D và chị Y tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dk. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Y được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh D và chị Y thuê nhà trọ sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của anh D là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, về kinh tế, việc chi tiêu của không Y không rõ ràng, mờ ám, chị Y không làm tròn nghĩa vụ của vợ đối với chồng. Về tình cảm, chị Y không có tình cảm với anh D, nhiều lần xúc phạm

anh D, vợ chồng sống với nhau lạnh nhạt dẫn đến phải ly thân, không còn quan hệ như vợ chồng hơn 02 năm nay; còn chị Y cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nhiều lần anh D đánh đập chị Y, thu nhập của anh D không đưa chị Y quản lý mà đưa cho người khác quản lý, anh D có quan hệ ngoại tình với người yêu cũ, nhưng chị Y cho rằng vợ chồng có thể hàn gắn và không đồng ý ly hôn anh D. Tuy nhiên, qua phân tranh luận tại phiên tòa, chị Y cho rằng nếu anh D xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Y và kiên quyết xin ly hôn thì chị Y đồng ý; tuy nhiên chị Y nêu nguyện vọng yêu cầu ông D phải thỏa thuận giải quyết cho xong về tài sản chung với chị Y cho đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị Y; qua hòa giải và tại phiên tòa ông D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn chị Y.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Y đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị Y.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Về tranh chấp chia tài sản và nợ khi ly hôn: Nhận thấy, sau khi tạm ngừng phiên tòa thì chị Y có nộp đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản khi ly hôn với anh D; Tòa án đã ban hành Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nhưng chị Y chưa thực hiện theo nội dung được thông báo; mặt khác, yêu cầu của chị Y được đưa ra sau khi Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu của chị Y là đúng quy định.

Tuy nhiên, trường hợp chị Y có tranh chấp về chia tài sản và nợ sau khi ly hôn với anh D thì chị Y có quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Thành D.

1. Về hôn nhân: Anh Đặng Thành D ly hôn chị Đinh Thị Bảo Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84, đăng ký ngày 23/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Dk, huyện Đức Linh giữa anh Đặng Thành D và chị Đinh Thị Bảo Y hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về con chung, tài sản, nợ trong vụ án này.

3. Về án phí: Anh Đặng Thành D phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0005149 ngày 03/02/2025. **Anh Đặng Thành D đã nộp đủ tiền án phí.**

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Dk;
- UBND xã Ld, huyện Đất Đỏ, BR-VT;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận